

Sở GD&ĐT TP Đà Nẵng
Trường: THPT Đỗ Đăng Tuyển
Giáo viên soạn: Trần Thị Thanh Thuý
Ngày soạn: 12/12/2025
Lớp dạy: 11/1, 11/5, 11/9, 11/10, 11/12
Thời gian thực hiện: Tuần học 15

CHỦ ĐỀ 4: GIỚI THIỆU CÁC HỆ CƠ SỞ DỮ LIỆU
Bài 14: SQL – NGÔN NGỮ TRUY VẤN CÓ CẤU TRÚC
Môn học: Tin học lớp 11 - Thời gian thực hiện: 2 tiết: 29, 30

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Hiểu được ở mức nguyên lí: có thể dùng SQL định nghĩa, cập nhật và truy xuất DL như thế nào qua các cấu trúc cơ bản của các câu truy vấn SQL.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

+ Tự chủ và tự học: chủ động và tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống, đề xuất và lựa chọn giải pháp để viết được các câu truy vấn cập nhật và truy xuất dữ liệu.

2.2. Năng lực tin học

+ NLe: Biết cách hợp tác trong công việc;

3. Về phẩm chất:

- *Chăm chỉ*: Chăm học, chịu khó đọc SGK, tài liệu và thực hiện các hoạt động cá nhân nhằm tìm hiểu về các thành phần trên màn hình làm việc và các đối tượng.

- *Trách nhiệm*: Thực hiện tốt nội quy lớp học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị và học liệu: Máy tính, tivi (máy chiếu), bảng phụ (nếu có).

2. Học liệu:

- **Giáo viên**: Kế hoạch bài dạy, phiếu giao nhiệm vụ (phiếu học tập), phiếu đánh giá kết quả thực hiện của nhóm và một số tài liệu có liên quan.

Máy tính đã cài đặt sẵn các chương trình (phần mềm) quản lí cơ sở dữ liệu (CSDL), MySQL, HeidiSQL, ...

- **Học sinh**: SGK Tin 11, đồ dùng học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. *Mục tiêu*: Tạo động lực để học sinh muốn tìm hiểu về ngôn ngữ SQL.

b. *Nội dung*: GV đặt câu hỏi và yêu cầu HS làm việc theo nhóm để trả lời.

c. *Sản phẩm*: Kết quả làm việc của các nhóm.

d. *Tổ chức thực hiện*:

Bước 1: Giao nhiệm vụ:

- GV đặt câu hỏi: *Ở bài trước các em đã biết hệ QTCSDL với vai trò là một bộ phần mềm hỗ trợ khởi tạo, cập nhật, truy xuất CSDL để người dùng có thể cập nhật, truy xuất CSDL. Vậy công việc đó được thực hiện sử dụng ngôn ngữ nào? Cách thực hiện như thế nào? Có nên truy xuất dữ liệu bằng ngôn ngữ lập trình hay không?*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Mỗi HS quan sát và trả lời câu hỏi của GV.

- GV quan sát theo dõi HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV chỉ định ngẫu nhiên đại diện 2 HS trả lời, HS khác nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.
- Từ đó, GV chuyển sang bài mới.

2. Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (70 phút)

2.1. Lợi ích của ngôn ngữ truy vấn (20 phút)

- Mục tiêu:* Học sinh hiểu được khái niệm hệ quản trị CSDL.
- Nội dung:* GV giao Phiếu học tập số 1 và yêu cầu HS làm việc theo nhóm.
- Sản phẩm:* Kết quả làm việc của các nhóm (Phiếu học tập số 1).
- Tổ chức thực hiện*

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành 8 nhóm (các nhóm đều cử 1 nhóm trưởng, 1 thư ký).
- GV phát Phiếu học tập số 1 cho các nhóm và yêu cầu các nhóm thảo luận để hoàn thành Phiếu học tập số 1 trong thời gian là 10 phút.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Câu 1: Để lấy danh sách các bản nhạc do nhạc sĩ Văn Cao (mã định danh Aid = 2), sáng tác trong bảng dữ liệu Bản nhạc, ta có thể thực hiện theo một trong hai cách sau:

- Dùng một ngôn ngữ lập trình, viết chương trình mở tệp chứa bảng DL Bản nhạc, rồi lần lượt lấy ra các từng nhóm DL liên quan đến từng bản nhạc, sau đó tách phần Aid để kiểm tra, nếu Aid = 2 thì đưa ra tên bản nhạc (TenBN).
- Dùng ngôn ngữ truy vấn, viết “CHỌN TenBN TỪ Bản nhạc VỚI Aid =2” rồi gửi cho hệ QTCSDL thực hiện.

Sự khác biệt cơ bản trong cách truy vấn nhờ ngôn ngữ truy vấn so với lập trình trực tiếp theo em là gì?

.....

Câu 2: Ngôn ngữ truy vấn SQL được phát triển từ năm nào? Gồm những thành phần nào?

.....

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Các nhóm thảo luận để hoàn thành yêu cầu của GV đưa ra.
- GV quan sát, theo dõi các nhóm và hỗ trợ các nhóm khi cần thiết.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Các nhóm nộp lại Phiếu học tập số 1.
- GV chỉ định ngẫu nhiên đại diện 2 nhóm lên trình bày kết quả thực hiện của nhóm mình, các nhóm còn lại nhận xét, tranh luận.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của các nhóm.
- GV chốt lại kiến thức bài học:

* SQL được phát triển từ những năm 1970, ngày nay SQL trở thành ngôn ngữ truy vấn mà hầu hết các hệ QTCSDL đều sử dụng.

* SQL có ba thành phần: DDL (Data Definition Language): ngôn ngữ định nghĩa DL; DML (Data Manipulation Language): ngôn ngữ thao tác DL; DCL (Data Control Language): ngôn ngữ định nghĩa DL.

2.2. Khởi tạo CSDL (20 phút)

- Mục tiêu:* Học sinh biết cấu trúc các câu truy vấn định nghĩa dữ liệu.

b. *Nội dung*: GV giao Phiếu học tập số 2 và yêu cầu HS làm việc theo nhóm.

c. *Sản phẩm*: Kết quả làm việc của các nhóm (Phiếu học tập số 2).

d. *Tổ chức thực hiện*:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành 8 nhóm (các nhóm đều cử 1 nhóm trưởng, 1 thư ký).

- GV phát Phiếu học tập số 2 cho các nhóm và yêu cầu các nhóm thảo luận để hoàn thành Phiếu học tập số 2 trong thời gian là 10 phút.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Câu 1: Nêu các câu truy vấn định nghĩa DL? Các kiểu DL trong SQL.
Câu 2: Viết câu truy vấn tạo bảng Ca sĩ như đã mô tả trong bài 11 với tên bảng là <i>casi</i>
Câu 3: Viết câu truy vấn thêm khoá chính <i>Sid</i> cho bảng <i>casi</i>

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Các nhóm thảo luận để hoàn thành yêu cầu của GV đưa ra.

- GV quan sát, theo dõi các nhóm và hỗ trợ các nhóm khi cần thiết.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Các nhóm nộp lại Phiếu học tập số 2.

- GV chỉ định ngẫu nhiên đại diện 2 nhóm lên trình bày kết quả thực hiện của nhóm mình, các nhóm còn lại nhận xét, tranh luận.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của các nhóm.

- GV chốt lại kiến thức bài học:

* *Các câu truy vấn định nghĩa DL:*

CREATE DATABASE tên_CSDL; Khởi tạo CSDL

CREATE TABLE tên_bảng (danh sách các tên trường và kiểu DL);

ALTER TABLE tên_bảng Yêu cầu thay đổi;

PRIMARY KEY (tên trường được chỉ định làm khoá chính);

FOREIGN KEY... REFERENCES ...

* *Các kiểu DL trong SQL:*

Kiểu dữ liệu	Ý nghĩa
CHAR (n), CHARACTER (n)	Xâu kí tự, độ dài cố định, n kí tự
VARCHAR (n)	Xâu kí tự, độ dài thay đổi, không vượt quá n kí tự
BOOLEAN	Kiểu logic, chỉ gồm 2 giá trị Đúng/Sai
INT, INTERGER	Số nguyên
REAL	Số thực
DATE	Ngày tháng, dạng “YYYY-MM-DD”
TIME	Thời gian, dạng “HH:MM:SS”

2.3. Cập nhật và truy xuất dữ liệu (15 phút)

- a. *Mục tiêu:* Học sinh biết cấu trúc các câu truy vấn truy xuất và cập nhật dữ liệu.
- b. *Nội dung:* GV giao Phiếu học tập số 3 và yêu cầu HS làm việc theo nhóm.
- c. *Sản phẩm:* Kết quả làm việc của các nhóm (Phiếu học tập số 3).
- d. *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành 8 nhóm (các nhóm đều cử 1 nhóm trưởng, 1 thư ký).
- GV phát Phiếu học tập số 3 cho các nhóm và yêu cầu các nhóm thảo luận để hoàn thành Phiếu học tập số 3 trong thời gian là 8 phút.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Câu 1: Nêu các câu truy vấn cập nhật và truy xuất DL?
Câu 2: Hãy viết câu truy vấn lấy tất cả các dòng của bảng nhacsí.
Câu 3: Hãy viết câu truy vấn thêm các dòng cho bảng CASI với các giá trị là ('TK', 'Nguyễn Trung Kiên'), ('QD', 'Quý Dương'), ('YM', 'Y Moan');

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Các nhóm thảo luận để hoàn thành yêu cầu của GV đưa ra.
- GV quan sát, theo dõi các nhóm và hỗ trợ các nhóm khi cần thiết.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Các nhóm nộp lại Phiếu học tập số 3.
- GV chỉ định ngẫu nhiên đại diện 2 nhóm lên trình bày kết quả thực hiện của nhóm mình, các nhóm còn lại nhận xét, tranh luận.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của các nhóm.
- GV chốt lại kiến thức bài học:

+ *Câu truy vấn cập nhật dữ liệu:*

Câu truy vấn cập nhật dữ liệu	Ý nghĩa
INSERT INTO <tên bảng> VALUES <danh sách giá trị>	Thêm dữ liệu vào bảng <tên bảng> với giá trị lấy từ <danh sách giá trị>
DELETE FROM <tên bảng> WHERE <điều kiện>	Xóa các dòng trong bảng <tên bảng> thỏa mãn <điều kiện>
UPDATE <tên bảng> SET <tên trường>=<giá trị>	Cập nhật <giá trị> cho trường có tên <tên trường> trong bảng <tên bảng>

+ *Câu truy vấn truy xuất DL:*

Câu truy xuất dữ liệu	Ý nghĩa
SELECT <dữ liệu cần lấy>	Dữ liệu cần lấy là danh sách các trường
FROM <tên bảng>	Dữ liệu lấy từ bảng này
WHERE <điều kiện chọn>	Chọn các dòng thỏa mãn điều kiện
ORDER BY <tên trường>	Sắp xếp các dòng kết quả theo thứ tự chỉ định
INNER JOIN	Liên kết các bảng theo điều kiện

2.4. Kiểm soát quyền truy cập (15 phút)

- Mục tiêu:* Học sinh biết cấu trúc các câu truy vấn kiểm soát người dùng.
- Nội dung:* GV giao Phiếu học tập số 4 và yêu cầu HS làm việc theo nhóm.
- Sản phẩm:* Kết quả làm việc của các nhóm (Phiếu học tập số 4).
- Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành 8 nhóm (các nhóm đề cử 1 nhóm trưởng, 1 thư ký).
- GV phát Phiếu học tập số 3 cho các nhóm và yêu cầu các nhóm thảo luận để hoàn thành Phiếu học tập số 4 trong thời gian là 8 phút.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Câu 1: Nêu các câu truy vấn kiểm soát quyền người dùng?
Câu 2: Hãy viết câu truy vấn UPDATE đối với tất cả các bảng trong CSDL music cho người dùng mod.
Câu 3: Hãy viết câu truy vấn thu hồi quyền DELETE đối với bảng nhacsi trong CSDL music cho người dùng mod.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Các nhóm thảo luận để hoàn thành yêu cầu của GV đưa ra.
- GV quan sát, theo dõi các nhóm và hỗ trợ các nhóm khi cần thiết.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Các nhóm nộp lại Phiếu học tập số 4.
- GV chỉ định ngẫu nhiên đại diện 2 nhóm lên trình bày kết quả thực hiện của nhóm mình, các nhóm còn lại nhận xét, tranh luận.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của các nhóm.
- GV chốt lại kiến thức bài học:

+ Câu truy vấn kiểm soát quyền truy cập:

GRANT <ds người quyền> ON <tên CSDL. tên bảng> TO <tài khoản người dùng>;

REVOKE <ds người quyền> ON <tên CSDL. tên bảng> FROM <tài khoản người dùng>;

3. Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (10 phút)

- a. *Mục tiêu:* Giúp HS củng cố, ôn tập lại các kiến thức đã học trong Bài 14.
- b. *Nội dung:* GV giao Phiếu học tập số 5 và yêu cầu HS làm việc theo nhóm.
- c. *Sản phẩm:* Kết quả làm việc của các nhóm (Phiếu học tập số 5).
- d. *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1. Giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành 8 nhóm (các nhóm đều cử 1 nhóm trưởng, 1 thư ký).
- GV phát Phiếu học tập số 5 cho các nhóm và yêu cầu các nhóm thảo luận để hoàn thành Phiếu học tập số 5 trong thời gian là 6 phút.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Câu 1: Hãy viết câu truy vấn tạo bảng banthuan như đã mô tả trong bài 13.
Câu 2: Hãy viết câu truy vấn tạo khóa ngoài mid và sid của bảng banthuan.
Câu 3: Hãy viết câu truy vấn lấy ra tất cả các dòng trong liên kết bảng banthuan với bảng bannhac, mỗi dòng lấy các cột mid, sid của bảng banthuan và cột tenbn của bảng bannhac.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Các nhóm thảo luận để hoàn thành yêu cầu của GV đưa ra.
- GV quan sát, theo dõi các nhóm và hỗ trợ các nhóm khi cần thiết.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Các nhóm nộp lại Phiếu học tập số 5.
- GV chỉ định ngẫu nhiên đại diện 2 nhóm lên trình bày kết quả thực hiện của nhóm mình, các nhóm còn lại nhận xét, tranh luận.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của các nhóm.

4. Hoạt động 4: VẬN DỤNG (5 phút)

- a. *Mục tiêu:* HS vận dụng được những kiến thức đã học của bài 14 để giải quyết các vấn đề thực tiễn cuộc sống.

b. *Nội dung:*

- GV giao bài tập về nhà cho HS thực hiện.
- GV đánh giá chung kết quả thực hiện nhiệm vụ của các nhóm trong suốt quá trình học Bài 14.

c. *Sản phẩm:* Kết quả làm bài tập về nhà trong vở của HS.

d. *Tổ chức thực hiện*

Bước 1. Giao nhiệm vụ

- GV đưa ra bài tập về nhà cho HS như sau:

*Viết câu truy vấn lấy ra tất cả các dòng trong liên kết bảng **banthuan** với bảng **bannhac** và bảng **casi**, mỗi dòng lấy các cột: **mid**, **sid** của bảng **banthuan**, cột **Tenbn** của bảng **bannhac** và **hoten** của bảng **casi**.*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS về nhà làm bài tập GV giao.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Tiết học sau, HS sẽ nộp vở lại để GV kiểm tra kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS (GV gọi ngẫu nhiên 5 HS).

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS được gọi kiểm tra vở (tiết học sau).
- GV đánh giá, nhận xét chung kết quả thực hiện nhiệm vụ của các nhóm trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ. Tuyên dương, khen thưởng các nhóm có kết quả tốt.

PHỤ LỤC ĐÁP ÁN CÁC PHIẾU HỌC TẬP

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Câu 1: Để lấy danh sách các bản nhạc do nhạc sĩ Văn Cao (mã định danh Aid = 2), sáng tác trong bảng dữ liệu Bản nhạc, ta có thể thực hiện theo một trong hai cách sau:

- Dùng một ngôn ngữ lập trình, viết chương trình mở tệp chứa bảng DL Bản nhạc, rồi lần lượt lấy ra các từng nhóm DL liên quan đến từng bản nhạc, sau đó tách phần Aid để kiểm tra, nếu Aid = 2 thì đưa ra tên bản nhạc (TenBN).

- Dùng ngôn ngữ truy vấn, viết “CHỌN TenBN TỪ Bản nhạc VỚI Aid =2” rồi gửi cho hệ QTCSĐL thực hiện.

Sự khác biệt cơ bản trong cách truy vấn nhờ ngôn ngữ truy vấn so với lập trình trực tiếp theo em là gì?

TRẢ LỜI: - Lập trình truy xuất DL trực tiếp bằng ngôn ngữ lập trình là lập trình theo thủ tục: người lập trình phải biết chi tiết cấu trúc tệp DL, các bước để lấy ra từng nhóm DL liên quan đến bản nhạc phải xây dựng theo thuật toán để tách ra và lấy thông tin cần thiết.

- Ngôn ngữ truy vấn có cấu trúc cung cấp những câu truy vấn khái quát, dễ hiểu và dễ sử dụng để người lập trình chỉ cần viết ra yêu cầu *muốn lấy ra cái gì* rồi gửi cho hệ QTCSĐL thực hiện mà không cần phải nghĩ ra thuật toán và viết chương trình chi tiết thực hiện thuật toán lấy DL cần thiết.

Câu 2: Ngôn ngữ truy vấn SQL được phát triển từ năm nào? Gồm những thành phần nào?

TRẢ LỜI: - SQL được phát triển từ những năm 1970, ngày nay SQL trở thành ngôn ngữ truy vấn mà hầu hết các hệ QTCSĐL đều sử dụng.

- SQL có ba thành phần: DDL (Data Definition Language): ngôn ngữ định nghĩa DL; DML (Data Manipulation Language): ngôn ngữ thao tác DL; DCL (Data Control Language): ngôn ngữ định nghĩa DL.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Câu 1: Nêu các câu truy vấn định nghĩa DL? Các kiểu DL trong SQL.

TRẢ LỜI: * Các câu truy vấn định nghĩa DL:

CREATE DATABASE tên_CSDL; Khởi tạo CSDL

CREATE TABLE tên_bảng (danh sách các tên trường và kiểu DL);

ALTER TABLE tên_bảng Yêu cầu thay đổi;

PRIMARY KEY (tên trường được chỉ định làm khoá chính);

FOREIGN KEY... REFERENCES ...

* Các kiểu DL trong SQL:

Kiểu dữ liệu	Ý nghĩa
CHAR (n), CHARACTER (n)	Xâu kí tự, độ dài cố định, n kí tự
VARCHAR (n)	Xâu kí tự, độ dài thay đổi, không vượt quá n kí tự
BOOLEAN	Kiểu logic, chỉ gồm 2 giá trị Đúng/Sai
INT, INTERGER	Số nguyên
REAL	Số thực
DATE	Ngày tháng, dạng “YYYY-MM-DD”
TIME	Thời gian, dạng “HH:MM:SS”

Câu 2: Viết câu truy vấn tạo bảng Ca sĩ như đã mô tả trong bài 11 với tên bảng là casi.

TRẢ LỜI:

```
CREATE TABLE casi (Sid CHAR(2),TenCS VARCHAR(64));
```

Câu 3: Viết câu truy vấn thêm khoá chính Sid cho bảng casi.

TRẢ LỜI: ALTER TABLE casi ADD PRIMARY KEY (Sid);

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Câu 1: Nêu các câu truy vấn cập nhật và truy xuất DL?

TRẢ LỜI:

Câu truy vấn cập nhật dữ liệu	Ý nghĩa
INSERT INTO <tên bảng> VALUES <danh sách giá trị>	Thêm dữ liệu vào bảng <tên bảng> với giá trị lấy từ <danh sách giá trị>
DELETE FROM <tên bảng> WHERE <điều kiện>	Xóa các dòng trong bảng <tên bảng> thỏa mãn <điều kiện>
UPDATE <tên bảng> SET <tên trường>=<giá trị>	Cập nhật <giá trị> cho trường có tên <tên trường> trong bảng <tên bảng>

Câu truy xuất dữ liệu	Ý nghĩa
SELECT <dữ liệu cần lấy>	Dữ liệu cần lấy là danh sách các trường
FROM <tên bảng>	Dữ liệu lấy từ bảng này
WHERE <điều kiện chọn>	Chọn các dòng thỏa mãn điều kiện
ORDER BY <tên trường>	Sắp xếp các dòng kết quả theo thứ tự chỉ định
INNER JOIN	Liên kết các bảng theo điều kiện

Câu 2: Hãy viết câu truy vấn lấy tất cả các dòng của bảng nhacsi.

TRẢ LỜI:

```
SELECT Aid, TenNS FROM nhacsi;
```

hoặc

```
SELECT * FROM nhacsi;
```

Câu 3: Hãy viết câu truy vấn thêm các dòng cho bảng CASI với các giá trị là ('TK','Nguyễn Trung Kiên'), ('QD','Quý Dương'), ('YM','Y Moan');

TRẢ LỜI:

```
INSERT INTO casi VALUES
('NK', 'Nguyễn Trung Kiên'),
('QD', 'Quý Dương'),
('YM', 'Y Moan');
```

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Câu 1: Nêu các câu truy vấn kiểm soát quyền người dùng?

TRẢ LỜI:

```
GRANT <ds người quyền> ON <tên CSDL. tên bảng> TO <tài khoản người dùng>;
```

```
REVOKE < ds người quyền> ON <tên CSDL. tên bảng> FROM <tài khoản người dùng>;
```

Câu 2: Hãy viết câu truy vấn UPDATE đối với tất cả các bảng trong CSDL music cho người dùng mod.

TRẢ LỜI: GRANT update ON music.* TO mod;

Câu 3: Hãy viết câu truy vấn thu hồi quyền DELETE đối với bảng nhacsi trong CSDL music cho người dùng mod.

TRẢ LỜI: REVOKE delete ON music.nhacsi FROM mod;

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Câu 1: Hãy viết câu truy vấn tạo bảng banthuan như đã mô tả trong bài 13.

TRẢ LỜI: CREATE TABLE banthuan (Mid CHAR(4), Sid CHAR(2));

Câu 2: Hãy viết câu truy vấn tạo khóa ngoài mid và sid của bảng banthuan.

TRẢ LỜI:

ALTER TABLE banthuan ADD FOREIGN KEY (Mid) REFERENCES bannhac(Mid);

ALTER TABLE banthuan ADD FOREIGN KEY (Sid) REFERENCES casi(Sid);

Câu 3: Hãy viết câu truy vấn lấy ra tất cả các dòng trong liên kết bảng banthuan với bảng bannhac, mỗi dòng lấy các cột mid, sid của bảng banthuan và cột tenbn của bảng bannhac.

TRẢ LỜI:

SELECT banthuan.Mid, banthuan.Sid, bannhac.TenBN

FROM banthuan, bannhac

WHERE banthuan.Mid=bannhac.Mid;

VẬN DỤNG:

SELECT banthuan.Mid, banthuan.Sid, bannhac.TenBN, casi.TenCS

FROM banthuan, bannhac, casi

WHERE banthuan.Mid=bannhac.Mid AND banthuan.Sid=casi.Sid;